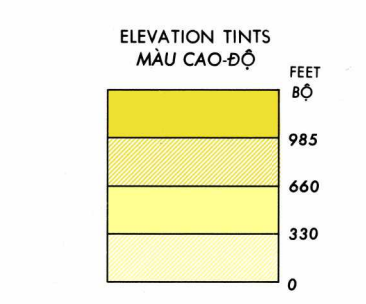
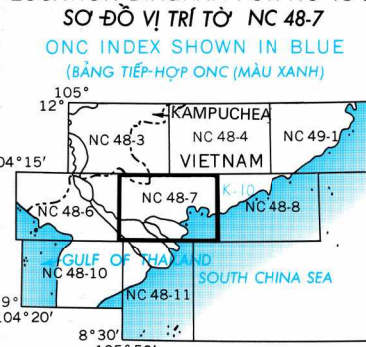


SERIES 1501AIR  
SHEET NC 48-7  
EDITION 4

SERIES 1501 COMPANION SHEET IS EDITION 3



RELIABILITY OF THIS MAP  
GIÁ TRỊ TÍNH CỨA  
BẢY ĐỒ NÂU  
(as determined by standard practices)



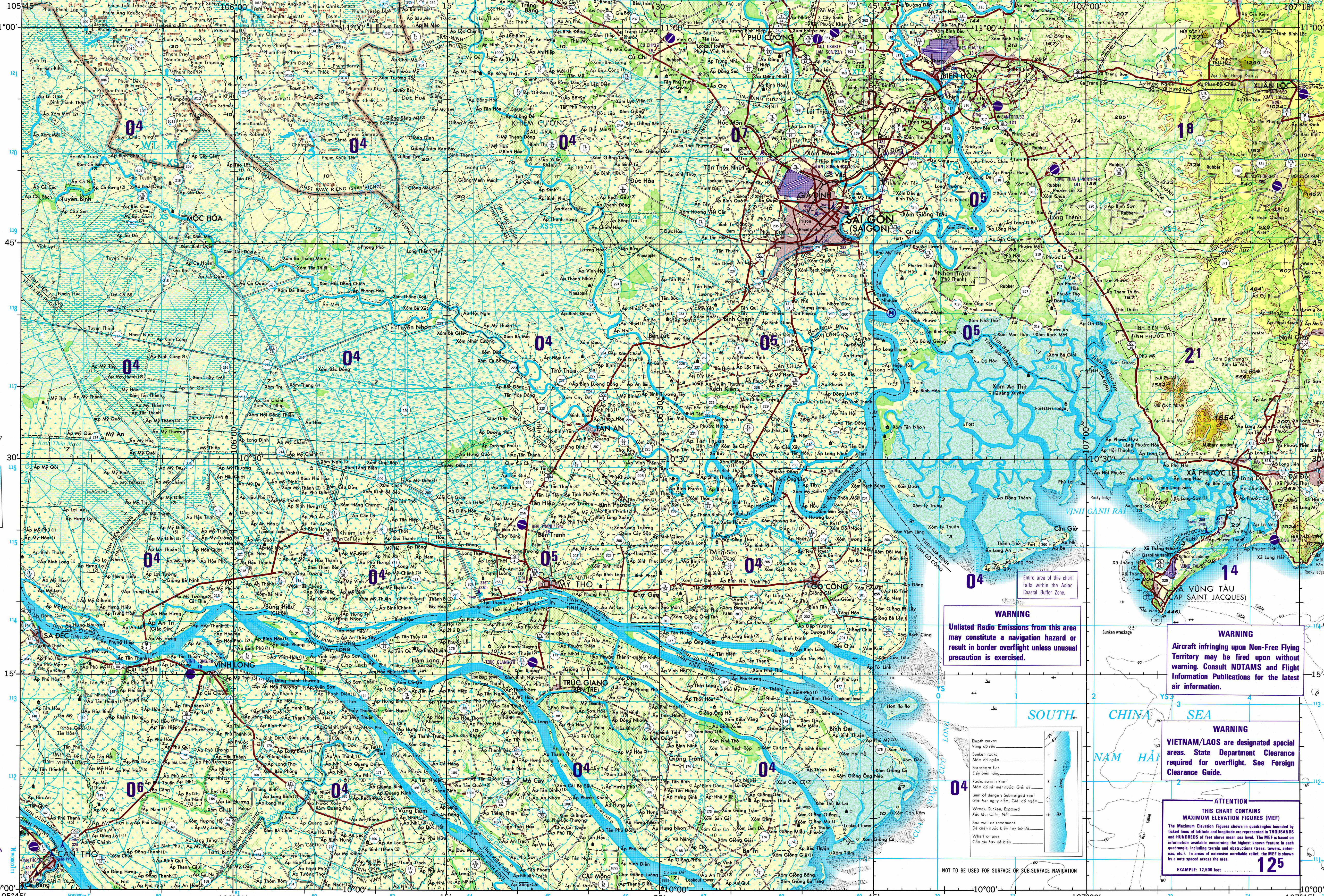
CAUTION  
AIR INFORMATION CURRENT THROUGH  
8 APRIL 1983

MAGNETIC VARIATION FOR 1980 IS  
APPROXIMATELY 0°15' E OVER THE ENTIRE AREA  
(Annual rate of change 3' decrease)

TERRAIN ELEVATIONS, CAO ĐỘ CỦA ĐẤT  
HIGHEST KNOWN ELEVATION IS 1654 feet  
at 10°22'N, 107°09'E

DISTRIBUTION LIMITED—DESTROY  
WHEN NO LONGER NEEDED

SERIES 1501AIR  
SHEET NC 48-7  
EDITION 4

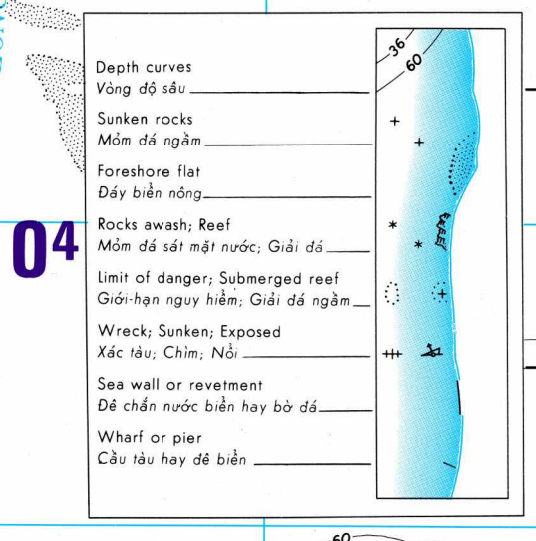


**WARNING**  
Unlisted Radio Emissions from this area  
may constitute a navigation hazard or  
result in border overflight unless unusual  
precaution is exercised.

**WARNING**  
Aircraft infringing upon Non-Free Flying  
Territory may be fired upon without  
warning. Consult NOTAMS and Flight  
Information Publications for the latest  
air information.

**WARNING**  
VIETNAM/LAOS are designated special  
areas. State Department Clearance  
required for overflight. See Foreign  
Clearance Guide.

**ATTENTION**  
THIS CHART CONTAINS  
MAXIMUM ELEVATION FIGURES (MEF)  
The Maximum Elevation Figures shown in  
quadrangles bounded by ticked lines of latitude and longitude are  
THOUSANDS and HUNDREDS of feet above  
mean sea level. The MEF is based on  
information available concerning the highest  
known features in each quadrangle, including  
terrain and obstructions (towers, antennas,  
etc.). In areas of extensive unrelieved relief,  
the MEF is shown by a note spaced across the area.  
EXAMPLE: 12500 feet



NOT TO BE USED FOR SURFACE OR SUB-SURFACE NAVIGATION

DEPTHS IN FEET  
VÒNG ĐỘ SÂU TÍNH BẰNG BỘ

ELEVATIONS IN FEET  
CAO ĐỘ BẰNG BỘ

ELEVATIONS IN FEET  
CAO ĐỘ BẰNG BỘ

DEPTHS IN FEET  
VÒNG ĐỘ SÂU TÍNH BẰNG BỘ

# JOINT OPERATIONS GRAPHIC (AIR)

Scale 1:250,000  
10 Statute Miles  
10 Nautical Miles  
10 Kilometers

CONTOUR INTERVAL APPROXIMATELY 330 FEET WITH  
SUPPLEMENTARY CONTOURS AT 165 FOOT INTERVALS  
KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO ĐỘ PHỔNG CHUNG 330 BỘ  
VỚI CÁC VÒNG CAO ĐỘ PHỤ TÙNG THÔNG CHANG 165 BỘ

TRANSVERSE MERCATOR PROJECTION  
HỆ THỐNG CHIẾU U.T.M.

BLUE NUMBERED LINES INDICATE THE 10,000 METER UNIVERSAL TRANSVERSE MERCATOR GRID ZONE 48, EVEREST SPHEROID  
NHỮNG ĐƯỜNG SỐ CÓ SỐ VÀNH THỬ TÍNH 10.000 MÉT KHU VỰC 48, KHỔNG BẬC ĐUYỆT

POPULATED PLACES NƠI ĐÔNG DÂN CƯ

ROADS ĐƯỜNG SA  
All weather, hard surface Đường tráng nhựa  
Two or more lanes Cờ hai hay trên hai lối xe đi  
One lane Cờ một lối xe đi

RAILROADS ĐƯỜNG XE LỬA  
Normal gauge, 1 meter (3'3 3/4) Station  
Loại đường thường rộng 1 mét; Ga, trạm  
Narrow gauge, 1 meter (3'3 3/4) Station  
Loại đường hẹp rộng 1 mét; Ga, trạm

BOUNDARIES RANH GIỚI  
International Administrative Tỉnh, Phủ, Xã, Huyện  
Spot elevation, normal, critical Cao điểm thường, trọng yếu  
Horizontal control point Điểm trắc đạc

Church, School Nhà thờ, Trường học  
Temple Pagoda Chùa, Miếu

Area name Tên vùng hay địa điểm

Navigation canal, Canal, Kênh, Lạch, Hố, Đê  
Wood/bush/wood, Plantation  
Rừng bụi rậm; Rừng trồng  
Mangrove, Swamp  
Cây bần, Đầm lầy  
Land subject to inundation; Rice  
Đất có thể bị lụt; Lúa  
Salt evaporator; Sand  
Rừng muối; Cát

AERODROMES (Military or Civil)  
Field limits with runway pattern  
EDNA Name  
50 Length of longest runway to nearest hundreds of feet  
Soft or unimproved surface  
Unusable surface  
725-Elevation

Field limits, with runway pattern unknown  
Field limits unknown, with runway pattern  
Field limits and runway pattern unknown

HELIPORT

NOTES CHÚ Ý

Obstructions 200 feet or more above ground level are shown.  
Powerline information and obstructions have been extracted from the most reliable source available. However, there is no assurance that all powerlines and obstructions are shown or that their locations and heights are correct.

THE REPRESENTATION OF INTERNATIONAL BOUNDARIES IS NOT NECESSARILY AUTHENTICATIVE.  
ĐƯỜNG BIÊN-GIỚI GIỮA TRÊN BẢN-ĐỒ CHƯA ĐƯỢC MINH-ĐỊNH.

THE DETERMINATION OF INTERNAL BOUNDARIES IS A DISCRETIONARY MATTER OF THE NATIONAL GEOSPATIAL INTELLIGENCE CENTER.  
MỘT VÀI NỘI DUNG ĐƯỜNG BIÊN-GIỚI TRONG BẢN-ĐỒ NÀY CHỈ PHẠC-ẢNH VỚI TÍNH-CÁCH ĐẠI-CƯƠNG.

Names for symbolized populated places are omitted where information is not available or where density of detail does not permit their inclusion.  
The number in parentheses following a populated place name indicates more than one populated place is so named.  
Con số trong dấu ngoặc theo sau tên làng chỉ rằng hơn một làng có mang tên đó.

ATLANTIC ADIZ